

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **36/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 19/8/2024

“V/v: Ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thụ;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tạo;

Bà Đào Thị Kim Tuyến;

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thanh Bình; *Thư ký Tòa án;*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh; *Kiểm sát viên;*

Trong ngày 19/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2024, về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: Tổ 38, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú: Tổ 38, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Hiện cư trú: Số X, ngách 43/99 T, Tổ 38, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị T trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị và anh Đỗ Xuân T kết hôn ngày 28/02/2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, Thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2009 đến nay anh T thường xuyên chơi cờ bạc, cá độ bóng đá và nghiện ma túy, về nhà gây sự cãi nhau với chị. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn. Ba mẹ con chị mặc dù sống trong ngôi nhà của mình nhưng thiếu cảm giác an toàn, thường xuyên phải sống trong sự sợ hãi vì anh T tàng trữ hung khí như: dao, thanh sắt dài 1,5m có lưỡi sắc nhọn trong nhà và đã nhiều lần cầm dao vào phòng ngủ dọa giết chị.

Việc anh T nghiện ma túy chị đã biết từ khi vợ chồng kết hôn nhưng chị tin rằng tình yêu của chị có thể cảm hóa được anh nên chị đã cùng anh chung sống và cố gắng vun vén cho gia đình nhưng anh không tu chí mà vẫn tiếp tục sống sa ngã. Quá trình chung sống anh đã nhiều lần phải đi cai nghiện tự nguyện và bắt buộc nhưng sau khi trở về địa phương vẫn không thay đổi. Đến năm 2012, anh bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội xét xử 09 tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Sau khi chấp hành án trở về địa phương đến năm 2018 anh lại tiếp tục phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù, phải đi chấp hành án tại Trại giam. Gần đây nhất, ngày 11/7/2023, anh T lại bị Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hà Nội xét xử 09 tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Những lần anh T đi chịu án chị chạy vay lo cho anh được giảm án, thăm nuôi anh đầy đủ, chị vẫn chu toàn việc đối nội đối ngoại, chăm sóc các con tươm tất, giấu gia đình hai bên và các con việc anh vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án.

Tháng 12/2023, anh đi chấp hành án trở về nhưng vẫn không cải sửa tâm tính, không chịu tìm việc làm, kiếm thu nhập. Chị đã nhờ người thân tạo việc làm cho anh nhưng anh không tu trí làm ăn dẫn đến không có công việc ổn định, anh không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con mà hàng ngày lang thang theo đám bạn giao du khắp nơi. Nhiều lần anh về nhà gây sự, đánh đập vợ con, chính quyền địa phương, tổ dân phố đều đến khuyên ngăn và can thiệp nhưng anh vẫn không sửa đổi. Ngày anh ở nhà ngủ, đêm anh đi chơi cờ bạc cùng bạn bè. Anh nói chị có bồ, chị khẳng định chị không có, chị chỉ mong muốn anh là một người bình thường để không ảnh hưởng đến các con.

Trước đây anh đã từng có quan hệ và có con với người khác, chị đã phải sang tận nơi để giải quyết nhưng anh vẫn không sửa đổi dẫn đến vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân về mặt tình cảm, không có quan hệ vợ chồng từ nhiều năm nay. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn, giữ gìn hòa khí gia đình, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Sau khi anh đi chịu án về mắc một số bệnh nên chị rất sợ vấn đề sức khỏe, lây bệnh nên không muốn gần gũi, anh đã cầm con dao dài hơn 1m xông lên đòi giết chị. Sau đó, hai con nghe thấy tiếng ồn chạy lên can ngăn, chị đã rất hoảng sợ. Anh còn ra tận nhà bà ngoại nói rằng “con giết nó rồi con cũng chết”, anh khẳng định với gia đình rằng anh không thể thay đổi được. Do luôn sống trong cảnh bị dọa nạt, ảnh hưởng tới tinh thần và thể trạng của cả 3 mẹ con nhất là bản thân chị, nên chị thường xuyên phải sang sống nhờ nhà mẹ đẻ và nhà bạn.

Chị xác nhận ly hôn không phải vì bản thân chị, mà là vì các con. Con gái sau khi biết bố vi phạm pháp luật phải đi tù và chứng kiến cảnh bố cầm dao dọa giết, đánh mẹ đã mắc bệnh trầm cảm. Gần đây cháu có bạn trai nhưng khi bạn trai và gia đình biết tình trạng của bố, hai cháu đã chia tay. Đến thời điểm này, con gái chị bị trầm cảm, xăm cả vào tay dòng chữ “*hận đàn ông không muốn lấy chồng*”. Con trai chị khi biết bố như vậy đã chán bỏ đi chơi điện tử và hút thuốc lá điện tử, ở trường thường bị bạn bè trêu chọc nên chị rất lo. Chị ly hôn cũng không phải do nóng giận nhất thời, từ khi cưới chị đã biết anh T sử dụng ma túy nhưng chị muốn dùng tình yêu của chị để cảm hóa anh, vậy mà mọi điều anh làm tệ bạc với chị, với gia đình là không thể tha thứ. Chị đã có ý định ly hôn từ khi sinh con thứ hai, lúc đó anh T chơi bời, không

chăm lo cho gia đình nên chị đã liên tục có suy nghĩ muốn giải thoát. Tuy nhiên, chị vẫn chịu đựng đến bây giờ. Chị xác định ly hôn là để cho các con có tương lai tốt hơn chứ không phải để lập gia đình mới, tìm kiếm cuộc sống mới tốt hơn mà là để giải thoát cho mẹ con chị. Trước khi quyết định ly hôn chị cũng đã suy nghĩ trong thời gian dài, chia sẻ với bề trên và anh chị em trong gia đình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và muốn được giải thoát, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân T.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hà C, sinh ngày 12/12/2002 và cháu Đỗ Đức M, sinh ngày 16/02/2008. Ly hôn chị có nguyện vọng chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đỗ Đức M đến khi cháu trưởng thành, chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp tòa giải quyết giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị sẽ hỗ trợ tiền học phí cho con. Cháu lớn Đỗ Hà C đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chỗ ăn chỗ ở: Hiện chị đang thuê nhà tại tổ 38, phường T, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, thời hạn thuê 05 năm, hợp đồng thuê nhà chị đã nộp cho Tòa án. Vì vậy trường hợp ly hôn chị được giao nuôi con, mẹ con chị có chỗ ăn chỗ ở ổn định đảm bảo cuộc sống.

Về thu nhập: Hiện nay chị là viên chức của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, chị đang làm việc tại Làng trẻ X với thu nhập 10 triệu đồng/tháng. Xác nhận bảng lương chị đã cung cấp cho Tòa án.

- **Về tài sản, công nợ:** Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Đỗ Xuân T trình bày:

- **Về tình cảm:** Thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Từ sau năm 2009 tình cảm vợ chồng nhạt dần, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, vợ có những lời nói khó nghe với anh, vợ chồng có những biểu hiện tránh né nhau, không còn chuyện trò tình cảm như trước, con cái và gia đình không còn sum họp đầy đủ, vợ chồng ít chia sẻ với nhau hơn. Đến thời gian gần đây, anh cảm thấy chị T có nhiều biểu hiện không tôn trọng chồng, đi đâu, làm gì không nói với chồng, anh hỏi cũng không trả lời nên anh cảm thấy không được tôn trọng.

Như chị T trình bày, anh đã từng đi cai nghiện tự nguyện và bắt buộc. Do môi trường ở phường T có nhiều con nghiện, nên anh bị ảnh hưởng. Anh đi cai nghiện lần đầu năm 2014 (thời gian 03 tháng ở trung tâm cai nghiện số 5 Xuân Phương), lần 2 vào năm 2022 (thời gian 06 tháng ở trung tâm cai nghiện số 2 Ba Vì). Trước kia anh làm kỹ sư máy tính, nhưng sau khi vợ sinh con thứ 2, do bối cảnh thị trường biến động, nghề của anh không còn nhiều cơ hội phát triển nữa nên anh chuyển sang sửa xe máy ở một cửa hàng sửa xe. Về sau phường thu hồi đất đúng vào phần cửa hàng đó nên anh không làm nữa. Những năm qua, có lúc anh làm bảo vệ, lúc lao động tự

do. Thời gian lao động tự do, bạn bè rủ rê anh có thỉnh thoảng đi chơi cờ bạc đêm. Năm 2012, anh bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử 09 tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Sau khi chấp hành án trở về địa phương đến năm 2018 anh tiếp tục phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 15 tháng tù, phải đi chấp hành án tại Trại giam. Gần đây, ngày 11/7/2023, anh lại bị Tòa án nhân dân quận N xét xử 09 tháng tù, về tội “Đánh bạc”, anh vừa đi chấp hành án trở về tháng 12/2023. Anh thừa nhận có tàng trữ hung khí như: Dao, thanh sắt dài 1,5m có lưỡi sắc nhọn trong nhà nhưng chỉ để dọa vợ chứ không có ý gì. Anh chỉ có một vài lời nói dọa nạt chứ không có tin nhắn đe dọa chị T. Anh có tát chị một lần do say rượu nhưng hành động trong vô thức anh không nhớ, khi nhắc lại anh mới nhớ. Hiện con trai đang ở với anh, còn vợ đã ra ngoài sống từ tháng 5/2024 nhưng anh không biết đang ở đâu. Con gái lúc ở với anh lúc ra ngoài sống, anh không biết là con ở với mẹ hay ở nhà bạn.

Nay chị T xin ly hôn, anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh không muốn ly hôn để vợ chồng và con đỡ khổ. Việc anh phải đi chịu án hay công việc không ổn định có những lúc anh có những bức xúc nhất thời, anh đã nhận sai và đã nói chuyện với vợ. Anh thấy việc ảnh hưởng đến con thì cũng đã ảnh hưởng rồi. Còn việc anh nóng giận, chửi bới, cầm dao dọa giết vợ chỉ là nhất thời, anh cũng đã xin lỗi. Thời gian tới anh sẽ tìm công việc ổn định và sống lành mạnh hơn. Anh có sai anh sẽ thay đổi, anh không để mọi chuyện tiếp diễn nữa. Trước đây do công việc tự do nhiều lúc anh đi đêm ra quán nước ngồi chạy xe ôm kiếm thêm thu nhập, chị T nghĩ là anh cờ bạc nhưng không phải. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Do anh không muốn ly hôn, nên anh không có quan điểm về con. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chỗ ăn, chỗ ở: Hiện nay căn nhà chung của vợ chồng anh đang cho thuê nên hai vợ chồng đang đi thuê chỗ khác ở riêng, anh chưa dự liệu được sau này sẽ ăn ở như thế nào. Về thu nhập: Hiện nay anh chưa có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, sống dựa vào tiền thuê nhà.

- **Về tài sản, công nợ:** Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân T. Chị xin được nuôi cháu Đỗ Đức M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đỗ Hà C đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Tài sản chung, công nợ: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Xuân T không đồng ý ly hôn, anh trình bày mâu thuẫn chỉ là nóng giận nhất thời, anh mong muốn vợ chồng tạm thời sống ly thân để thời gian cho chị T nguôi giận, anh có thêm cơ hội. Anh sẽ tìm việc làm, kiếm thu nhập lo cho gia đình, anh sai anh đã xin lỗi vợ, xin HĐXX hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Anh không

có quan điểm về con chung do không muốn ly hôn. Tài sản chung, công nợ: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát quận Cầu Giấy phát biểu: Thẩm phán đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quy định của pháp luật trong cả quá trình từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Xuân T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Đỗ Đức M, sinh ngày 16/02/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét. Cháu Đỗ Hà C, sinh ngày 12/12/2002 đã trưởng thành nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ: Do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện về việc xin ly hôn anh Đỗ Xuân T. Hiện anh Thanh đang cư trú tại số X, ngách 43/99 T, Tổ 38, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 28/02/2002, tuân thủ đầy đủ các điều kiện về kết hôn theo quy định nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét đơn ly hôn của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ, lời khai do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và trình bày, các tài liệu Tòa án xác minh tại nơi cư trú của anh T, chị T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T, anh T kết hôn và chung sống cùng nhau từ năm 2002, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T thường xuyên chơi cờ bạc, cá độ bóng đá, nghiện ma túy, đã từng đi cai nghiện và chấp hành án tại trại giam nhiều lần, khi trở về anh không thay đổi, hay gây sự cãi nhau, đánh đập, ngược đãi vợ con. Anh còn tàng trữ hung khí như: dao, thanh sắt dài 1,5m có lưỡi sắc nhọn trong nhà để dọa vợ, dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến con cái. Vợ chồng đã sống ly thân kéo dài, không còn tình cảm và sự tôn trọng nhau. Tòa án đã hòa giải nhiều

lần nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, đến nay chị T và anh T đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng. Mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hà C, sinh ngày 12/12/2002 và cháu Đỗ Đức M, sinh ngày 16/02/2008. Đến nay cháu Đỗ Hà C đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Đỗ Đức M chị T xin được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập, chị T xuất trình bảng lương và thu nhập là 10.000.000 đồng/tháng, anh T là lao động tự do, không có bảng lương nên không xác định được thu nhập cố định hàng tháng. Cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ vì mẹ mang lại cho cháu môi trường sống an toàn, lành mạnh. HĐXX căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập của chị T, anh T và nguyện vọng của cháu M, giao cháu M cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên Tòa không xem xét là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M, đúng với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân* giữa chị T, anh T do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Đức M, sinh ngày 16/02/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đỗ Xuân T đến khi nào chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Cháu Đỗ Hà C, sinh ngày 12/12/2002 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Đỗ Xuân T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa chị Tuyết, anh Thanh: HĐXX không xem xét do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0046284 ngày 09/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Chị T được khấu trừ vào tiền án phí mà chị phải nộp.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Q. Cầu Giấy;
- Chi cục THADS Q. Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- UBND phường Thụy Khuê, Q. Tây Hồ
(Giấy CNKH số 19-2002, quyền số 01
ngày 28/02/2002);
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thụ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ